TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày: 09-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trọng Khôi.

2/ Bà Trần Thị Kim Đồng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lâm Diệu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Trúc Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: khu M, thị trấn K, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1/ Anh **Trần Thanh D**, sinh năm 1967. (có mặt)

2/ Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã L, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị là đại diện hộ kinh doanh

Cửa hàng VTNN N 3. Trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 16/5/2023 anh Trần Thanh D và chị Trần Thị H có đến cửa hàng của chị mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tổng số tiền 349.507.000đ *(Ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng)*, chị H đã viết giấy xác nhận số nợ của chị và hứa sau khi bán 02 vụ cam sẽ thanh toán đủ tiền nhưng anh D, chị H vẫn không trả tiền như đã hứa. Chị khởi kiện yêu cầu anh D, chị H trả cho chị số tiền còn nợ 389.355.000đ *(Ba trăm tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* và lãi suất chậm trả bằng 01%/tháng tính từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/3/2024, bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị thừa nhận chị có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của chị T, do thời gian qua không bán được cam nên chị không trả nợ, chị T có chốt số tiền chị còn thiếu và chị có ký 02 giấy chốt nợ. Nay chị T khởi kiện chị yêu cầu trả số tiền theo 02 giấy chốt nợ chị đã ký, chị đồng ý.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của chị từ năm 2017 đến tháng 3/2022 còn nợ lại số tiền 195.000.000đ nhưng anh D, chị H năn nỉ chị tiếp tục bán, đến ngày 13/6/2022 anh D, chị H còn nợ lại 349.507.000đ. Anh D, chị H hứa bán cam sẽ trả nhưng không trả kéo dài đến ngày 15/6/2023 vẫn không trả nên chị đến gặp chị H, anh D để chốt nợ vốn là 349.507.000đ lãi chậm trả theo thỏa thuận mức lãi suất bằng 10.000đ/1.000.000đ/tháng tính thời gian từ ngày 13/6/2022 đến ngày 15/6/2023 theo từng đơn mua hàng số tiền 39.848.000đ, tổng số tiền nợ vốn lãi là 389.355.000đ. Chị yêu cầu anh D, chị H trả số tiền vốn lãi còn nợ đã chốt ngày 16/5/2023 số tiền 389.355.000đ và tính lãi từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 21.487.000đ.

Bị đơn anh Trần Thanh D trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về việc thực hiện hợp đồng mua bán đến ngày 13/6/2022 vợ chồng anh còn nợ chị T số tiền vốn 349.507.000đ nhưng do cam mất giá nên gia đình anh không có khả năng trả nợ, đến ngày 16/5/2023 chị T đến chốt nợ với vợ chồng anh số tiền vốn còn nợ 349.507.000đ và lãi chậm trả theo thỏa thuận số tiền 39.848.000đ, tổng số tiền 389.355.000đ nên chị H đã ký giấy xác nhận nợ với chị T. Nay chị T yêu cầu anh và chị H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ theo giấy chốt nợ ngày 16/5/2023 số tiền vốn lãi 389.355.000đ và lãi chậm trả tính từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử theo yêu cầu của chị T, anh đồng ý trả nhưng anh không có điều kiện trả ngay cho chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không đến tham gia đầy đủ các phiên họp, phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến là vi phạm quy định quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Đề nghị buộc anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị T số tiền còn nợ vốn 349.507.000đ và lãi số tiền 61.335.000đ.

Về án phí đề nghị buộc anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H có nghĩa vụ nộp 20.433.680đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Chị Phạm Thị T là đại diện hộ kinh doanh Cửa hàng VTNN N 3. Trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 16/5/2023 anh Trần Thanh D và chị Trần Thị H có đến cửa hàng của chị T mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh D thừa nhận có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của cửa hàng của chị T và chị H có ký xác nhận còn nợ

theo 02 biên nhận ngày 16/5/2023, 01 biên nhận tiền gốc 200.577.000đ, lãi 24.069.000đ, 01 biên nhận tiền gốc 148.930.000đ, lãi 15.779.000đ, tổng cộng nợ là 389.355.000đ *(Ba trăm tám mươi chín triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T yêu cầu anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H trả số tiền còn nợ gốc, lãi theo giấy xác nhận nợ ngày 16/5/2023 tổng số tiền 389.355.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, khi mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của chị T, đến ngày 13/6/2022 anh D, chị H còn nợ chị T số tiền gốc là 349.507.000đ, anh D, chị H hứa trả vốn nhưng đến ngày 16/5/2023 anh D, chị H vẫn không trả nợ theo thỏa thuận nên chị H đã ký 02 giấy xác nhận nợ tổng số tiền là 389.355.000đ, trong đó, nợ gốc là 349.507.000đ, lãi là 39.848.000đ. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh D, chị H có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ là 349.507.000đ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh D, chị H thừa nhận có nợ tiền chị T và đồng ý trả cho chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh D, chị H có nghĩa vụ trả cho chị T tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ số tiền gốc là 349.507.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị T về việc yêu cầu bị đơn anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả lãi chậm trả đối với số tiền vốn còn nợ là 349.507.000đ, mức lãi suất bằng 01%/tháng, tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/5/2023 số tiền lãi 39.848.000đ và tính lãi từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử (ngày 09/4/2024) thời gian là 06 tháng 04 ngày số tiền làm tròn 21.487.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh D, chị H mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của chị T tính đến ngày 13/6/2022 còn nợ số tiền gốc là 349.507.000đ, anh D, chị H hứa trả cho chị T nhưng đến nay chưa trả. Do đó, anh D, chị H có trách nhiệm trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thời gian từ ngày 13/6/2022 đến ngày xét xử (09/4/2024) theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự số tiền lãi là 127.546.000đ. Nhưng chị T yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/5/2023 số tiền lãi 39.848.000đ và tính từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2024) số tiền 21.487.000đ là thấp hơn số tiền lãi phát sinh do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn anh D, chị H có nghĩa vụ trả lãi chậm trả đối với số tiền gốc còn nợ là 61.335.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị T được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc trả cho chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể buộc anh D, chị H nộp số tiền 20.433.680đ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

1. Buộc bị đơn anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị T số tiền gốc còn nợ 349.507.000đ (*Ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng*) và số tiền lãi 61.335.000đ (*Sáu mươi mốt triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), tổng cộng gốc lãi 410.842.000đ (*Bốn trăm mười triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2024) nếu anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Thanh D, chị Trần Thị H có nghĩa vụ nộp 20.433.680đ *(Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Phạm Thị T số tiền 9.733.000đ (*Chín triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010840 ngày 09/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ô.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga